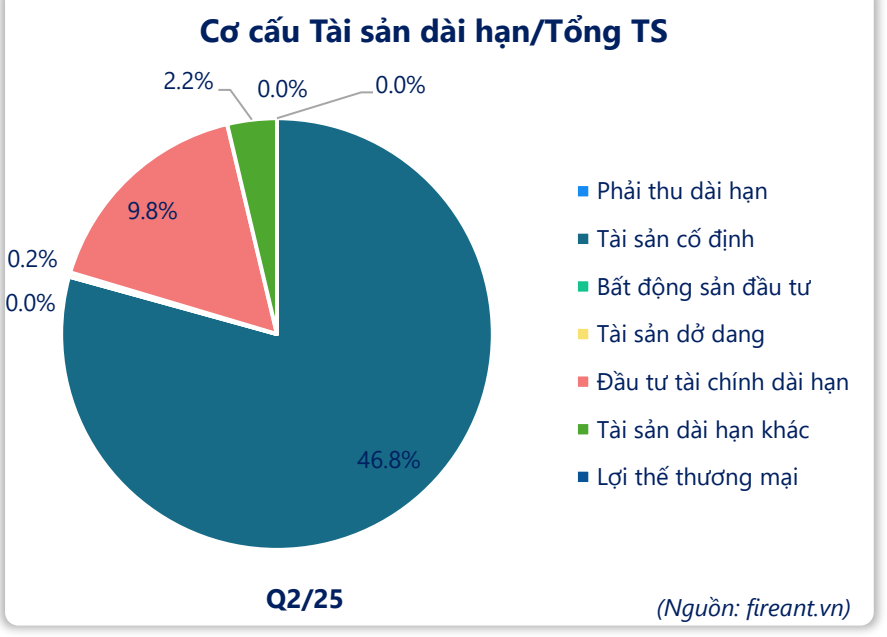
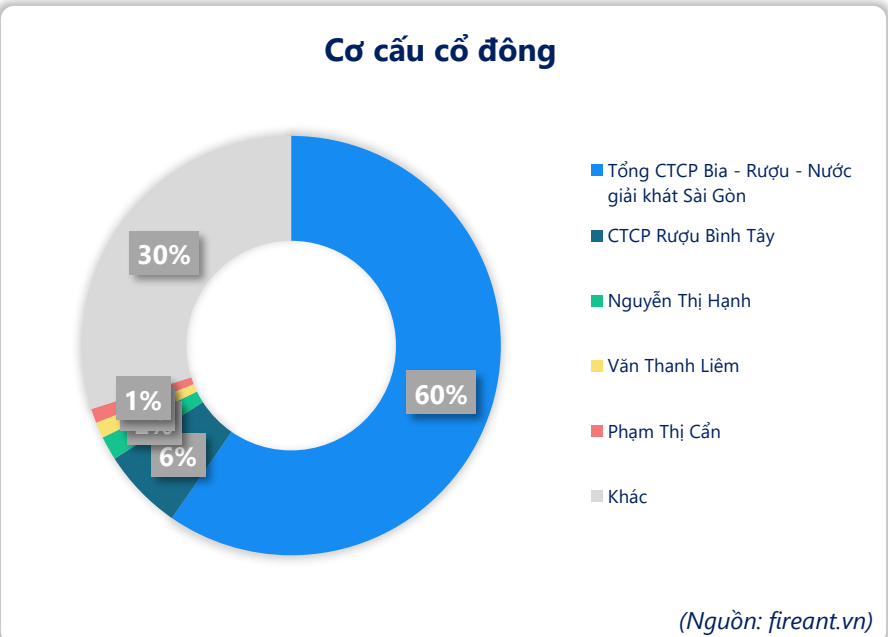
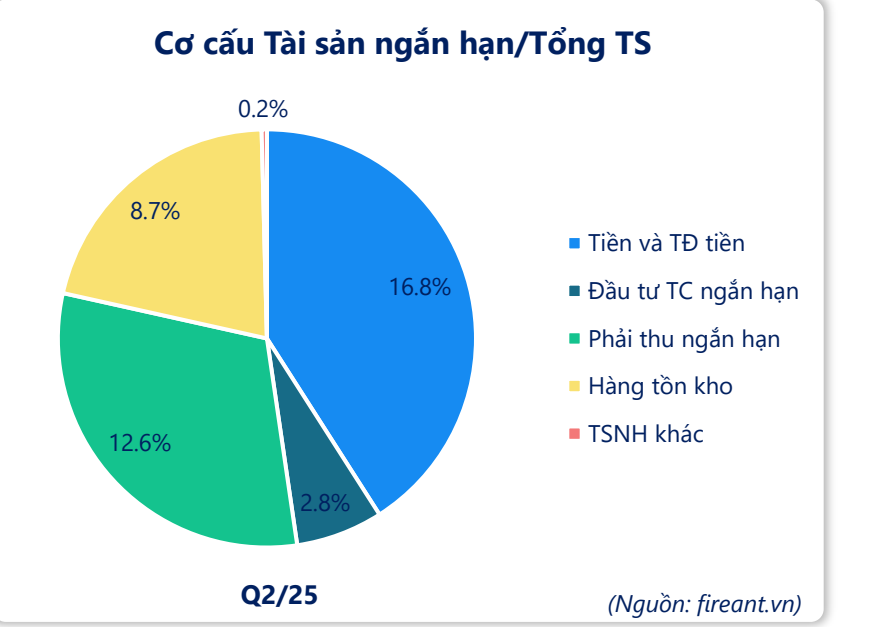
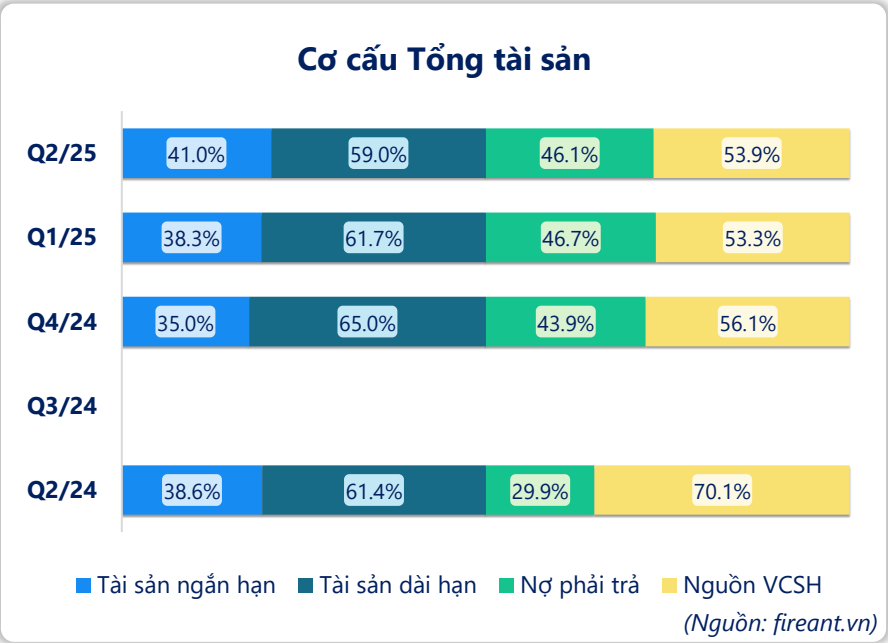
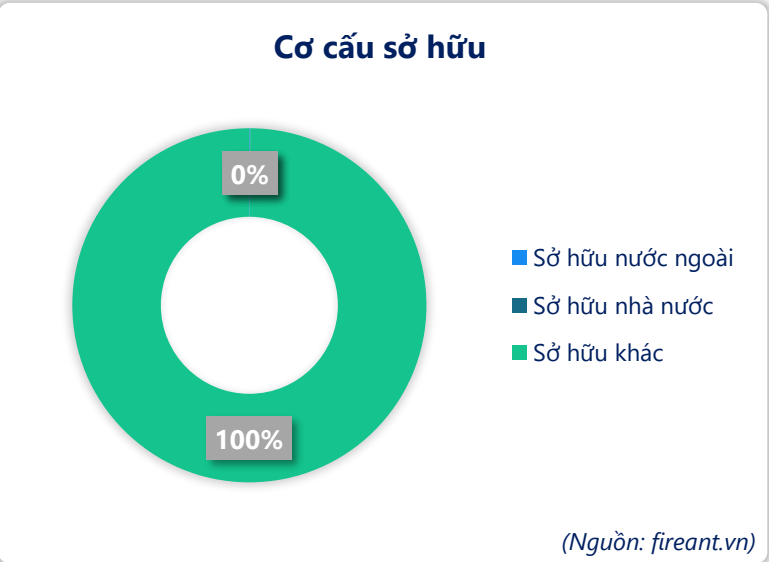
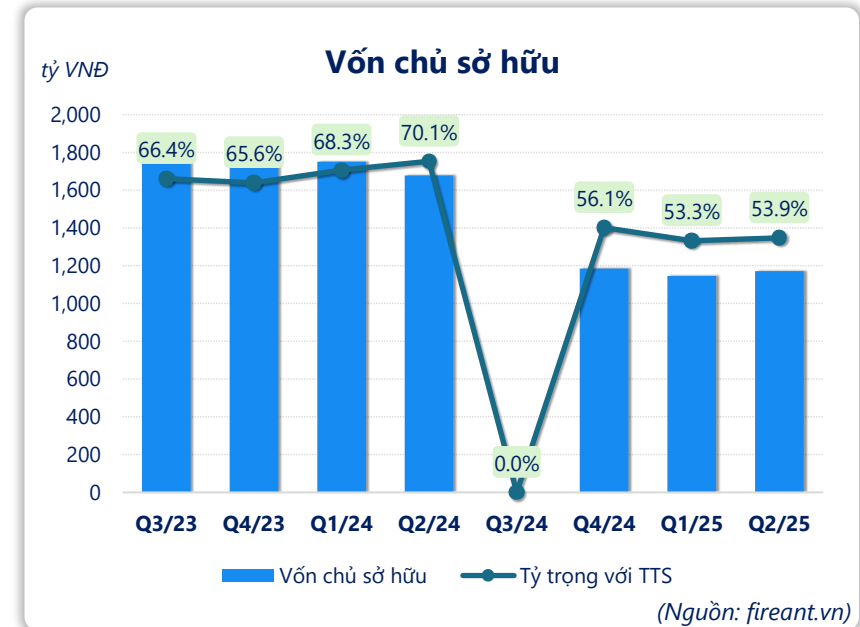
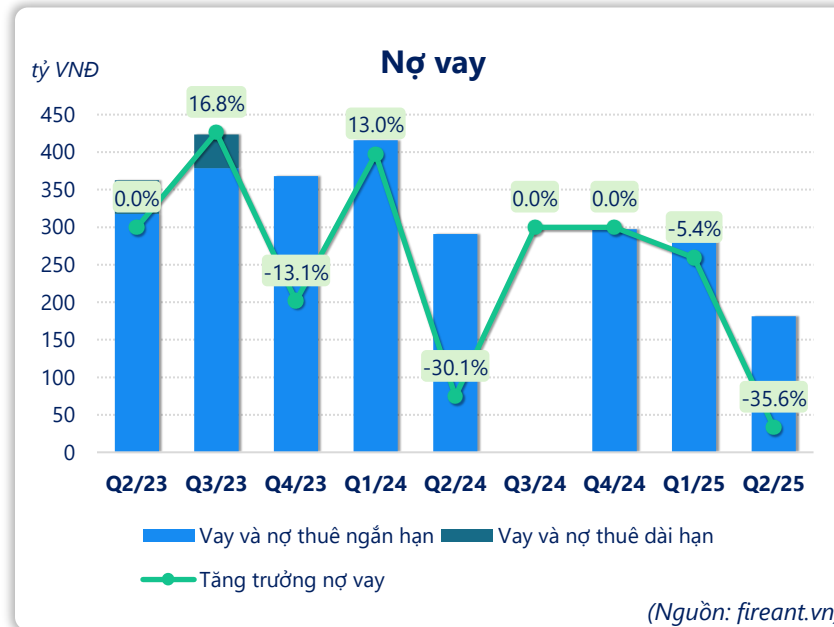
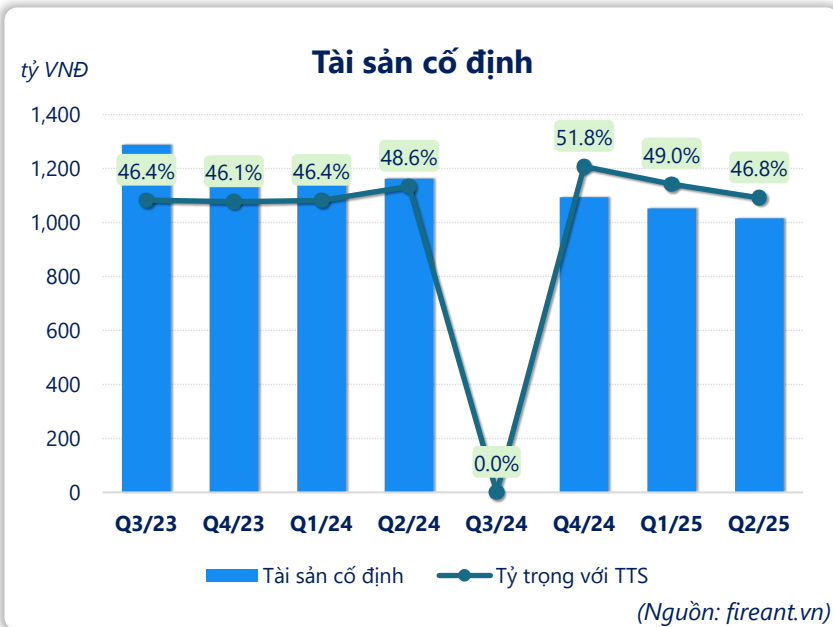
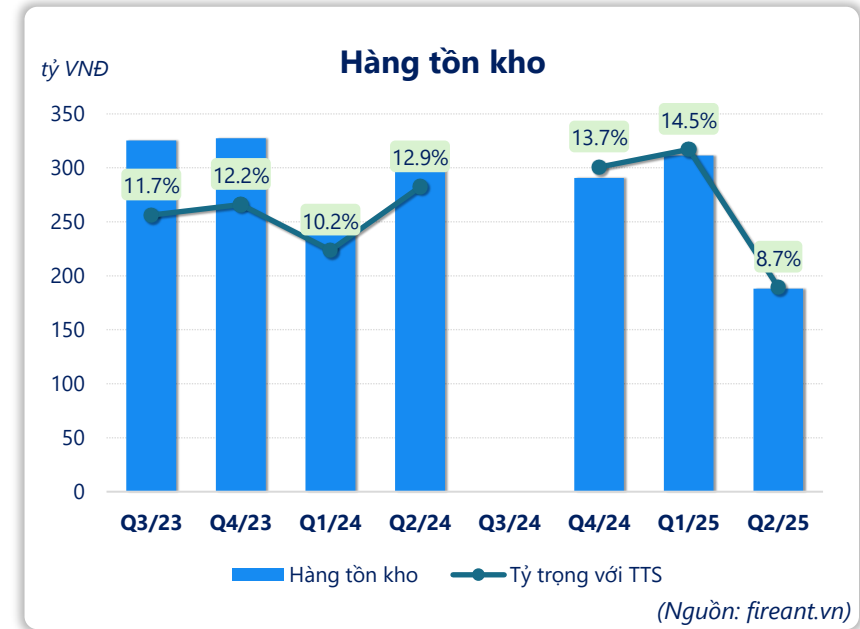
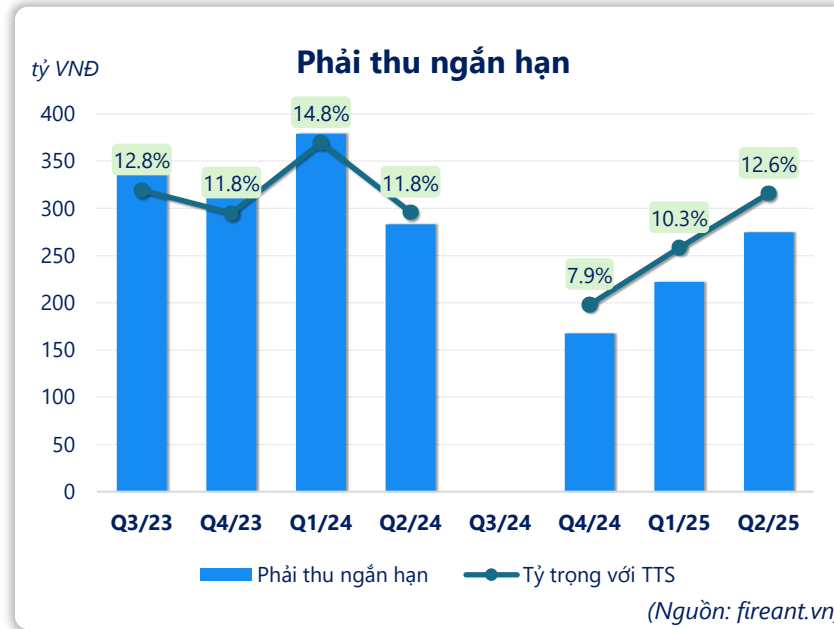
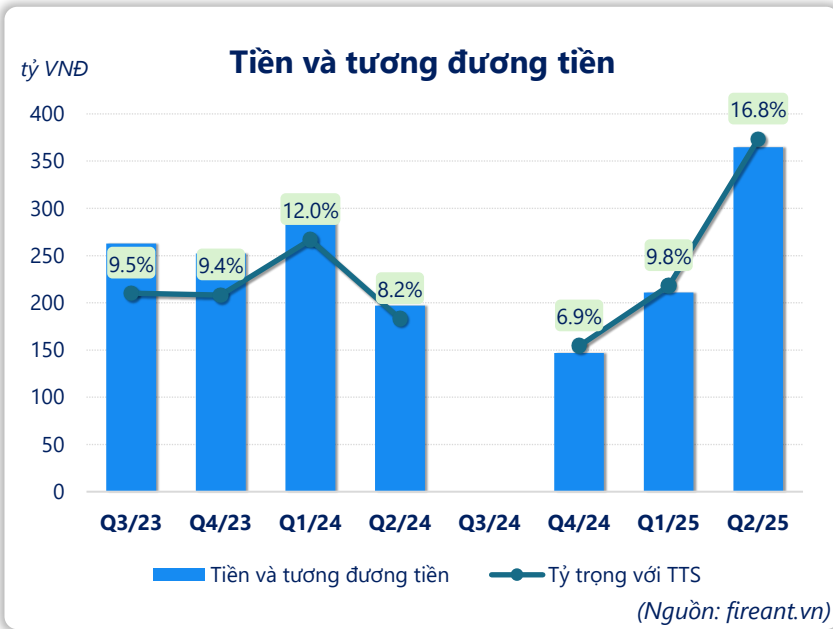
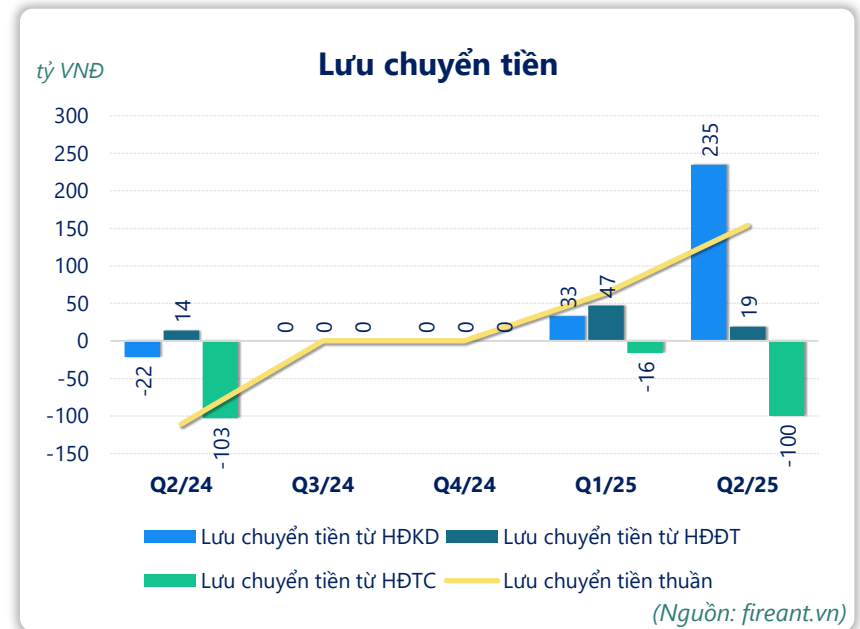
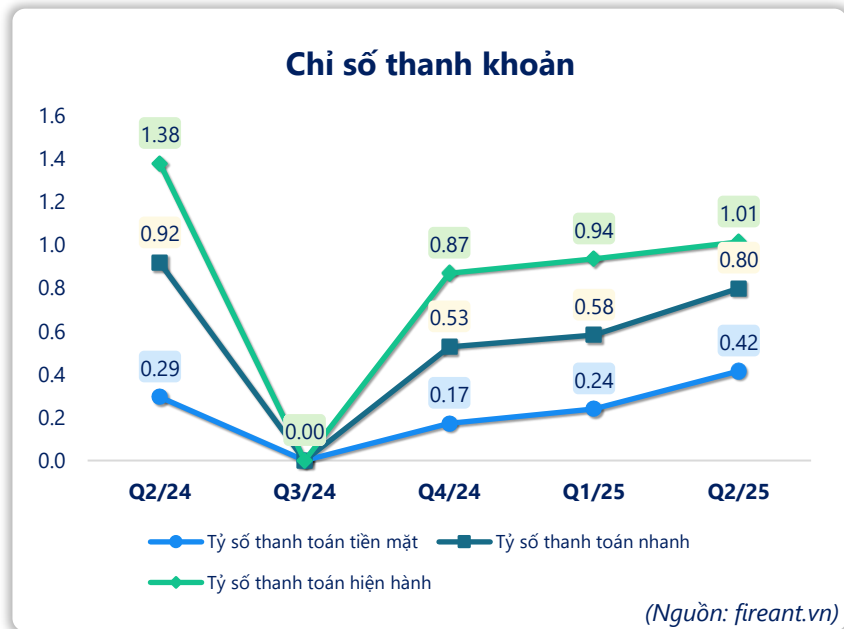
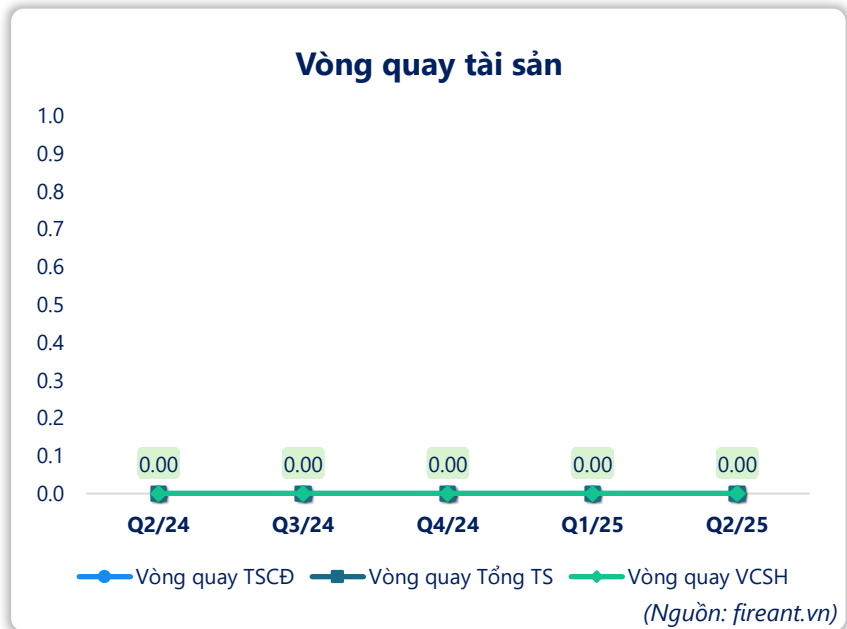
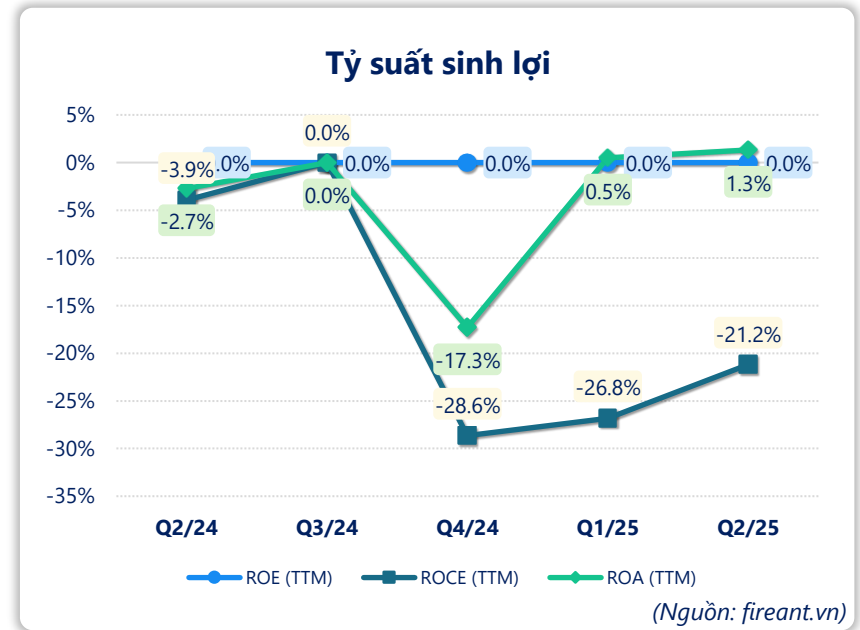
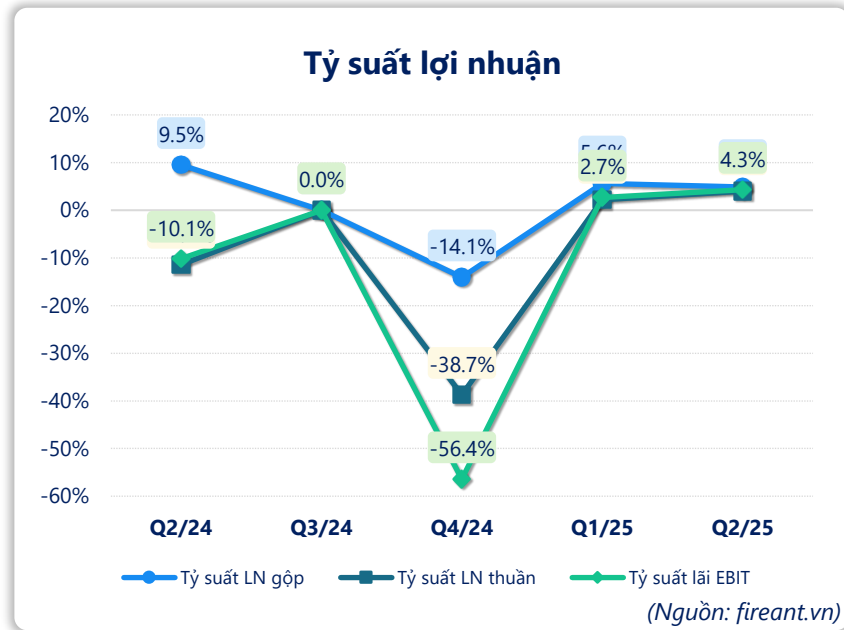
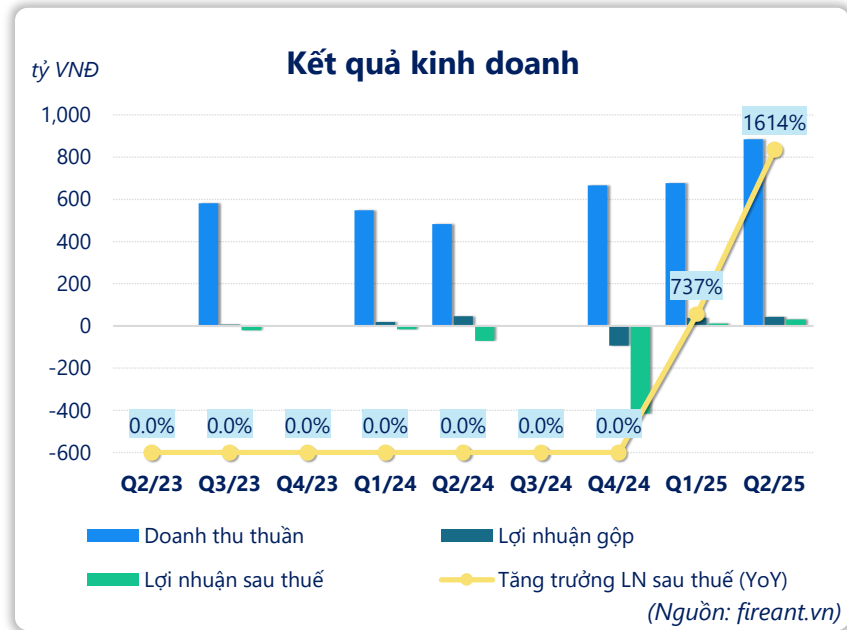


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,761
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,100
SL cổ phiếu LH		87,524,536
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,110
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,287
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
SBB	8.1%	-1.3%	-2.6%	-20.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,172	2,107	3.1%
Tài sản ngắn hạn	891	739	20.5%
Tiền và tương đương tiền	365	147	149%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	132	-54.7%
Phải thu ngắn hạn	274	168	63.8%
Hàng tồn kho	188	291	-35.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.62	1.81	100%
Tài sản dài hạn	1,281	1,368	-6.4%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	1,016	1,087	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.16	0.42	879%
Đầu tư tài chính dài hạn	214	207	3.1%
Tài sản dài hạn khác	47.5	72.9	-34.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,001	974	2.8%
Nợ ngắn hạn	879	851	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	297	-39.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	229	81.9	180%
Nợ dài hạn	122	122	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,171	1,134	3.3%
Vốn chủ sở hữu	1,171	1,134	3.3%
Vốn điều lệ	875	875	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	483		666	677	884
Giá vốn hàng bán	437		760	639	841
Lợi nhuận gộp	45.9		-93.7	38.1	43.1
Doanh thu HĐTC	4.08		6.40	3.15	6.32
Chi phí TC	19.0		4.82	4.69	3.68
Chi phí lãi vay	5.72		4.81	4.69	3.68
LN trong công ty LKLD	3.89		1.78	0	6.33
Chi phí bán hàng	7.79		16.6	7.39	3.81
Chi phí QLDN	82.2		151	14.3	13.0
LN thuần từ HĐKD	-55.2		-258	14.9	35.3
Lợi nhuận khác	0.44		-123	-1.46	-0.94
LN trước thuế	-54.7		-381	13.5	34.4
Lợi nhuận sau thuế	-71.2		-416	11.9	30.2
LNST của CĐ cty mẹ	-71.2		-416	11.9	30.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.7	0	0	33.1	235
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.9	0	0	47.0	19.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-103	0	0	-16.1	-99.9
Tiền đầu kỳ	308	0	0	147	211
Lưu chuyển tiền thuần	-111	0	0	64.1	154
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	197	0	0	211	365

(Nguồn: fireant.vn)